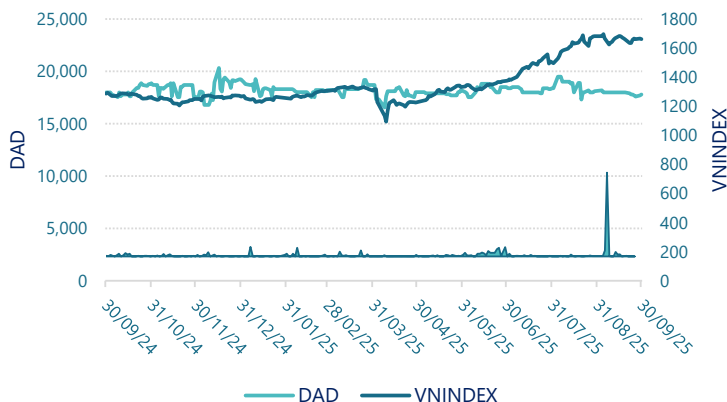




CTCP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng (HNX: DAD)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	17,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,325
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,550
SL cổ phiếu LH	4,659,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,470
% sở hữu nước ngoài	28.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	83
P/E	8.2
EPS	2,178

DT thuần

Q3/25

116

tỷ VNĐ

QoQ: ▼152 | -56.7%

YoY: ▲ 5.00 | 4.5%

LN sau thuế

Q3/25

2.55

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.25 | -67.3%

YoY: ▲ 0.80 | 45.6%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

2.7%

+/- YoY: ▲ 0.6%

DT thuần

9T 2025

395

tỷ VNĐ

YoY: ▼103 | -20.7%

LN sau thuế

9T 2025

10.5

tỷ VNĐ

YoY: ▼1.20 | -10.8%

ROE

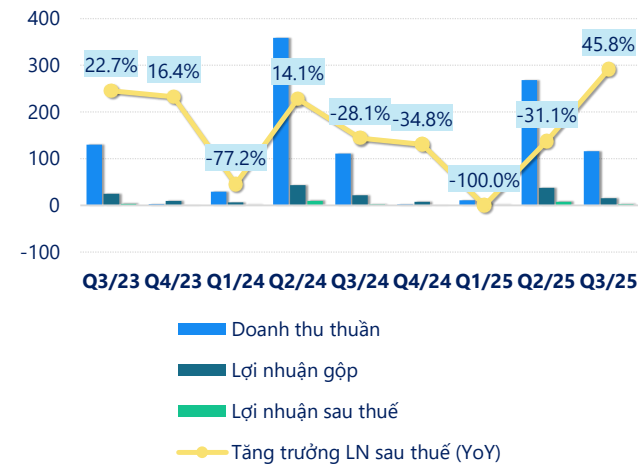
Q3/25

10.4%

+/- YoY: ▼ 1.5%

tỷ VNĐ

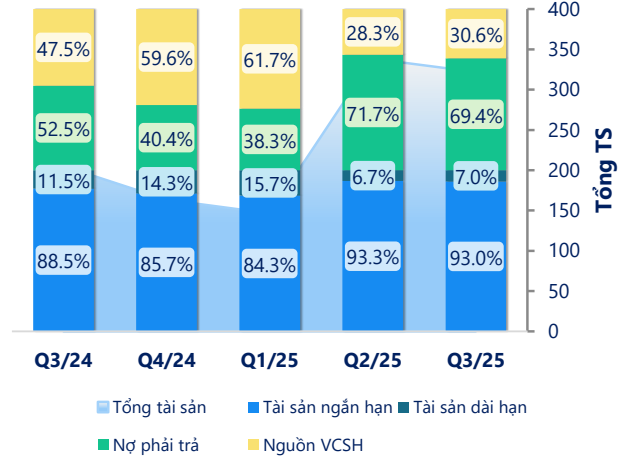
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

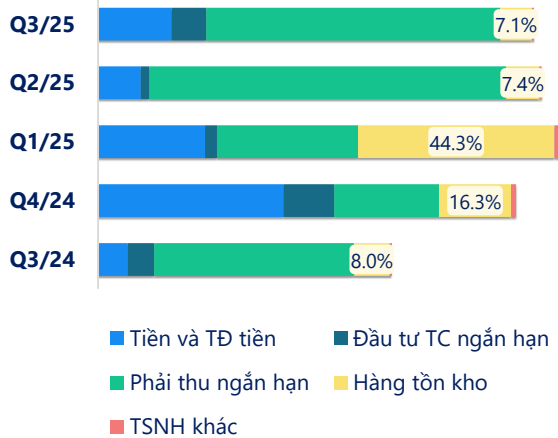
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



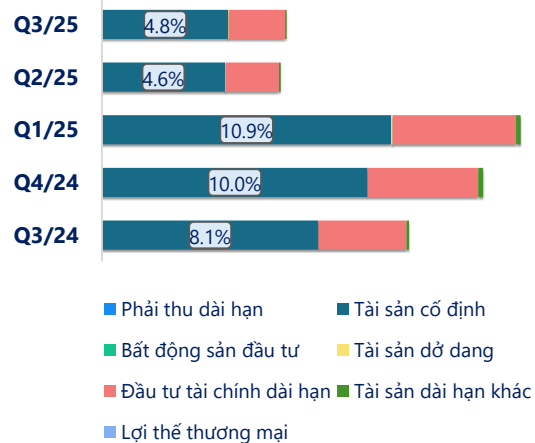
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

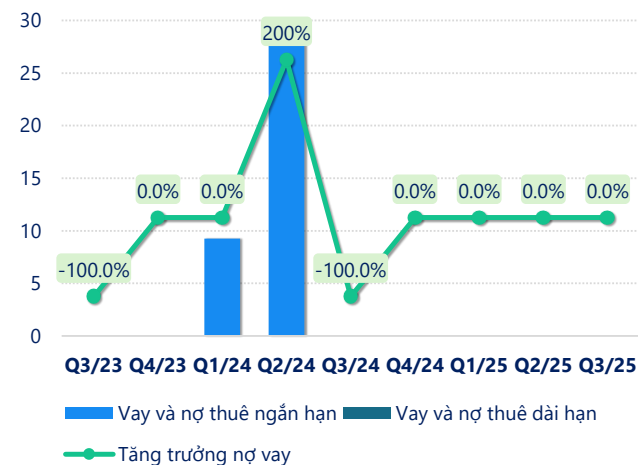
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

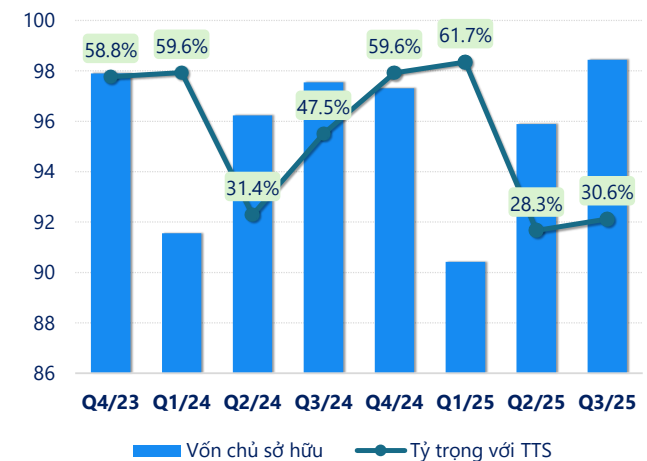
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

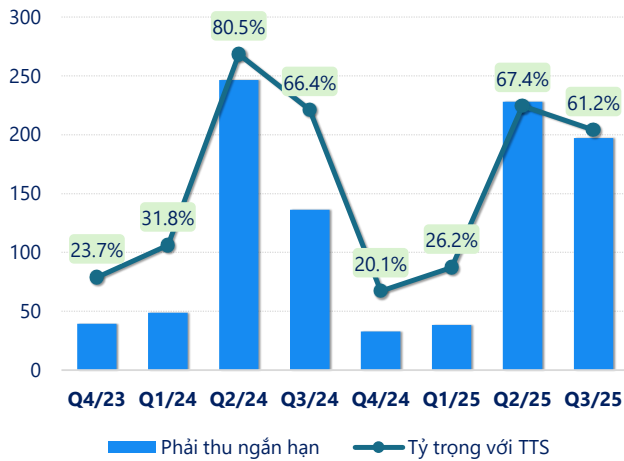
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



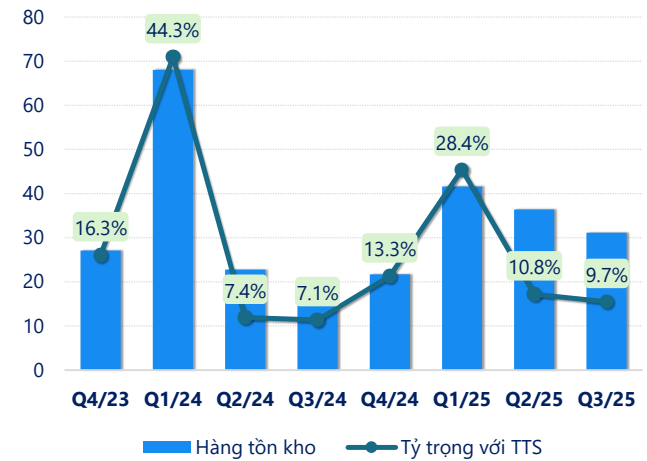
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


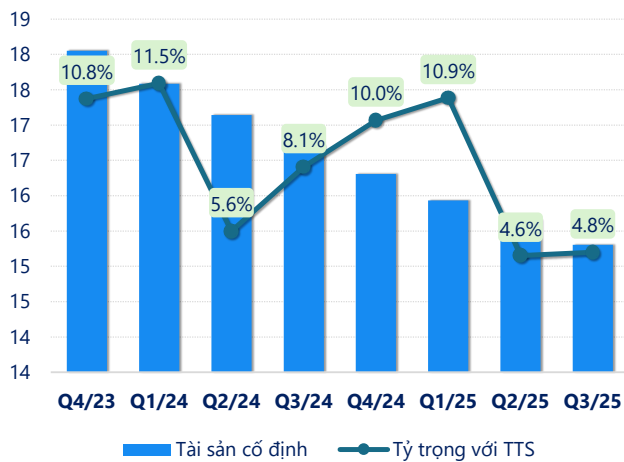
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


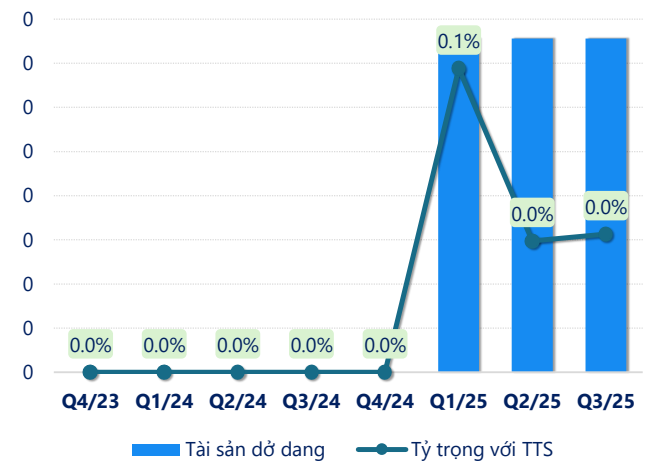
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

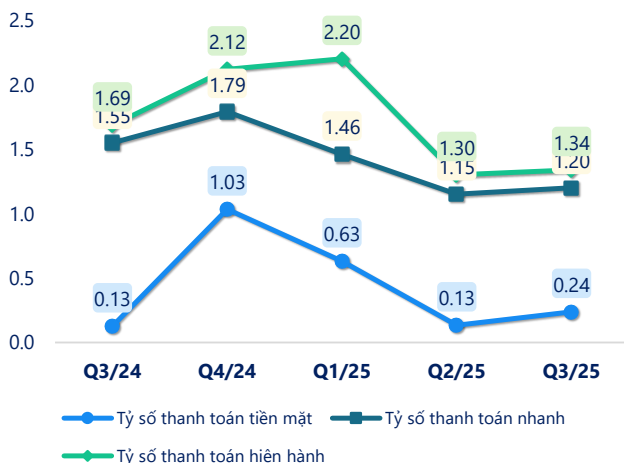
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

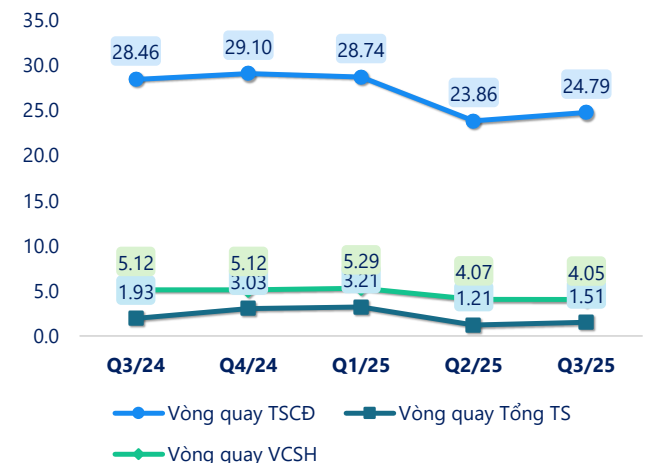
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	205	163	146	338	322
Tài sản ngắn hạn	182	140	123	316	300
Tiền và tương đương tiền	13.6	68.2	35.4	32.6	53.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.1	16.1	6.08	17.1	17.1
Phải thu ngắn hạn	136	32.9	38.3	228	197
Hàng tồn kho	14.6	21.7	41.6	36.4	31.1
Tài sản ngắn hạn khác	1.02	0.98	2.05	1.61	0.79
Tài sản dài hạn	23.7	23.4	23.1	22.7	22.4
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	16.7	16.3	15.9	15.7	15.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0.08	0.08	0.08
Đầu tư tài chính dài hạn	6.80	6.80	6.80	6.80	6.80
Tài sản dài hạn khác	0.18	0.29	0.25	0.21	0.19
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	108	65.9	56.0	243	223
Nợ ngắn hạn	108	65.9	56.0	243	223
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	61.7	26.2	23.5	195	175
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	97.5	97.3	90.4	95.9	98.4
Vốn chủ sở hữu	97.5	97.3	90.4	95.9	98.4
Vốn điều lệ	50.0	50.0	50.0	50.0	50.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)